

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ KON TUM
TỈNH KON TUM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 06-6-2018
V/v “ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ KON TUM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Nga.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Chê Thị Mai.
2. Ông Nguyễn Văn Long.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Hà Anh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum.

Ngày 06 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 20/2018/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2018 về ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị Ngọc N, sinh năm 1993. (Có mặt).

Địa chỉ: Số 08 Trần Bình T, thành phố Kon T, tỉnh Kon Tum.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Duy K, sinh năm 1993. (Vắng mặt).

Địa chỉ: Số 285 Hùng V, thành phố Kon T, tỉnh Kon Tum.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 24/11/2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Trần Thị Ngọc N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Ngọc N và anh Nguyễn Duy K tự nguyện kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân phường Trường C, thành phố Kon T, tỉnh Kon Tum cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 28/5/2015. Sau khi kết hôn, anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh chị tuổi đời còn trẻ, chưa có công việc ổn định, kinh tế gặp nhiều khó khăn nhưng đã kết hôn

và có con chung. Trong cuộc sống hôn nhân, do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp với nhau nên anh chị xảy ra cãi nhau. Anh K không chăm lo cho gia đình. Từ khi chị N mang thai đến tháng thứ 9, anh K không đoái hoài chăm sóc. Chị N đã cố gắng khuyên nhủ nhưng anh K không thay đổi. Chị N về nhà mẹ đẻ sinh con và vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Chị N cảm thấy không còn tình cảm với anh K nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn.

Về con chung: Chị Trần Thị Ngọc N và anh Nguyễn Duy K có 01 con chung là Nguyễn Trần Gia K, sinh ngày 15/9/2015. Khi ly hôn, chị N có nguyện vọng nuôi con và không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Bị đơn anh Nguyễn Duy K đã được Tòa án thông báo, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn cố tình không đến tòa án để làm việc và vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Chị Trần Thị Ngọc N và anh Nguyễn Duy K tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Trường C, thành phố Kon T, tỉnh Kon Tum vào ngày ngày 28/5/2015 theo đúng quy định của pháp luật, không vi phạm điều kiện kết hôn. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Thị Ngọc N và anh Nguyễn Duy K là hôn nhân hợp pháp.

[2] Xét thấy sau khi kết hôn, chị N và anh K thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh chị chưa có công việc ổn định, kinh tế gặp khó khăn nên thường xuyên xảy ra cãi nhau. Anh K không quan tâm đến vợ con. Chị N đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng anh K vẫn không thay đổi. Mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng trở nên trầm trọng hơn, dẫn đến việc vợ chồng sống ly thân từ khi chị N sinh con (tháng 9/2015) đến nay.

[3] Tại phiên tòa hôm nay, chị N khẳng định không còn tình cảm, thương yêu gì với anh K nên tha thiết xin được ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị N và anh K đã thực sự trầm trọng, dẫn đến việc vợ chồng sống ly thân thời gian rất dài (từ đầu tháng 9/2015 đến nay). Điều đó chứng tỏ cuộc sống vợ chồng thời gian qua không có hạnh phúc, không còn thương yêu, quan tâm, chăm sóc cho nhau. Như vậy, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị Ngọc N với anh Nguyễn Duy K là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Xét thấy, từ khi anh chị sống ly thân đến nay, con chung là do chị N một mình chăm sóc, nuôi dưỡng và các cháu đã có cuộc sống ổn định với mẹ. Bên cạnh đó, cháu Nguyễn Trần Gia K còn rất nhỏ (dưới 36 tháng tuổi), rất cần sự chăm sóc của mẹ. Do đó, giao con chung là Nguyễn Trần Gia K, sinh ngày 15/9/2015 cho chị Trần Thị Ngọc N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp.

[5] Chị N không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét. Anh K có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

[6] Về tài sản chung và nợ chung, do không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Đối với bị đơn anh Nguyễn Duy K đã được Tòa án thông báo, triệu tập hợp lệ các văn bản tố tụng của vụ án nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Như vậy, anh K đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

[8] Về án phí: Chị Trần Thị Ngọc N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Chấp nhận đơn khởi kiện về việc “ly hôn, tranh chấp nuôi con” của chị Trần Thị Ngọc N, đơn đề ngày 24/11/2017.

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Ngọc N được ly hôn anh Nguyễn Duy K.

Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Trần Gia K, sinh ngày 15/9/2015 cho chị Trần Thị Ngọc N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chị N không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con chung. Anh K có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

Về án phí: Áp dụng khoản 3 Điều 144, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 6, 18, 19, khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chị Trần Thị Ngọc N phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền số 0001095 ngày 08/01/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Kon Tum. Chị N đã nộp đủ án phí.

Căn cứ các Điều 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (06-6-2018), nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án theo trình tự phúc thẩm. Riêng bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại UBND xã, phường nơi cư trú./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh KonTum;
- VKSND TP KonTum;
- Chi cục THADS.TP KonTum;
- Các đương sự;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

PHẠM THỊ NGÀ